

Bản án số: 350/2017/ HNGĐ-ST
Ngày: 30-10-2017
V/v: Tranh chấp ly hôn giữa
Chị B với anh T

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ TÂN CHÂU, TỈNH AN GIANG**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- ***Thẩm phán-Chủ tọa phiên tòa:*** Ông Ngô Thế Minh

- ***Các Hội thẩm nhân dân:***

1. Ông Nguyễn Văn Cư;
2. Bà Võ Thị Lan.

- ***Thư ký ghi biên bản phiên tòa:*** Ông Đào Công Minh- thư ký Tòa án nhân dân thị xã Tân Châu

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Tân Châu tham gia phiên tòa:***
Ông Phan Hoàng Thanh- kiểm sát viên

Ngày 30 tháng 10 năm 2017 tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Tân Châu mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 205/2017/TLST – HNGĐ ngày 15 tháng 6 năm 2017 về việc “Tranh chấp ly hôn” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 335/ 2017/ QĐXXST- HNGĐ ngày 20/9/2017 giữa các đương sự :

1. ***Nguyên đơn:*** Chị Nguyễn Thị B, sinh năm 1980; địa chỉ cư trú: Tổ 1, khu phố Kiên Tân, thị trấn Kiên Lương, huyện Kiên Lương, tỉnh Kiên Giang (có mặt);

2. ***Bị đơn:*** Anh Nguyễn Thanh T, sinh năm 1988; địa chỉ cư trú: Tổ 12, ấp Phú Hưng, xã Phú Vĩnh, thị xã Tân Châu, tỉnh An Giang (vắng mặt không lý do).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai ngày 05/6/2017 của anh Nguyễn Thị B, thể hiện:

- Về hôn nhân: Chị B với anh Nguyễn Thanh T hai người tự tìm hiểu và đi đến kết hôn với nhau vào năm 2015, theo giấy húng nhận kết hôn số 93/2015 ngày

23/9/2015 tại UBND xã Phú Vĩnh, thị xã Tân Châu, tỉnh An Giang. Hai người sống hạnh phúc đến năm 2016 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là sống không hợp nhau, không hiểu nhau, cuộc sống không có hạnh phúc, chính vì vậy mà hai người đã ly thân. Theo chị B thì tình cảm vợ chồng không còn, sống không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được vì vậy, chị B xin ly hôn với anh T.

- Về con chung: Theo chị B thì hai người sống chung chưa có con.
- Về tài sản chung: Theo chị B hai người không có tài sản chung, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.
- Nợ chung: Theo chị B hai người không có tài sản chung, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Anh Nguyễn Thanh T đã được Tòa án tổng đạt các văn bản tố tụng hợp lệ nhưng anh T vẫn vắng mặt và không có văn bản nêu ý kiến của mình.

Ý kiến phát biểu của vị đại diện viện kiểm sát: Về tố tụng, thẩm phán đã thực hiện đúng kể từ khi thụ lý vụ án, thẩm phán ra thông báo thụ lý và thông báo hòa giải, tổng đạt cho các đương sự đầy đủ, xác minh. Ra quyết định đưa vụ án ra xét xử, tại phiên tòa HĐXX gồm có 01 thẩm phán làm chủ trì, 02 hội thẩm nhân dân, 01 thư ký ghi biên bản, HĐXX đã tiến hành thủ tục đúng theo trình tự quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, ngoài ra còn đề nghị HĐXX chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ và các chứng cứ vụ án được công bố thẩm tra tại phiên tòa Hội đồng xét xử (sau đây gọi HĐXX) xét thấy:

[1] Về áp dụng pháp luật tố tụng: Đây là vụ án “tranh chấp ly hôn” theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Điều 35 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án.

[2]. Về áp dụng pháp luật nội dung: Sự kiện pháp lý xảy ra, theo đơn khởi kiện ngày 05/6/2017 của chị Nguyễn Thị B xin ly hôn với anh Nguyễn Thanh T vì vậy cần áp dụng luật hôn nhân gia đình năm 2014 để giải quyết vụ án

Bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không lý do. Do đó Tòa án xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định tại khoản 2 Điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân.

Về nội dung:

[3]. Về hôn nhân: Chị B với anh Nguyễn Thanh T hai người tự tìm hiểu và đi đến kết hôn với nhau vào năm 2015, theo giấy chứng nhận kết hôn số 93/2015 ngày 23/9/2015 tại UBND xã Phú Vĩnh, thị xã Tân Châu, tỉnh An Giang. Hai người sống hạnh phúc đến năm 2016 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là sống không hợp nhau, không hiểu nhau, cuộc sống không có hạnh phúc, chính vì vậy mà hai người đã ly thân. Theo chị B thì tình cảm vợ chồng không còn, sống không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được vì vậy, chị B xin ly hôn với anh T;

Anh T đã được Tòa án tổng đạt các văn bản tố tụng hợp lệ nhưng anh T không có văn bản phản hồi nêu ý kiến và nguyện vọng của mình. Tại biên bản xác minh ngày 12/9/2017 của Tòa án, địa phương cung cấp thông tin cư trú của anh T như sau: Hiện anh T còn sống chung nhà với bà Phan Thị S và có hộ khẩu thường trú tại tổ 12, ấp Phú Hưng, xã Phú Vĩnh, thị xã Tân Châu, tỉnh An Giang. Anh T đang đi làm thuê ở tỉnh Bình Dương, anh T đi rồi về và hãy về vào dịp tết nguyên đán và các ngày lễ lớn và khi gia đình có đám tiệc, anh T không thuộc trường hợp bỏ địa phương trên 06 tháng. Tại biên bản xác minh ngày 12/9/2017 của Tòa án, bà Phan Thị S là mẹ ruột của anh T cung cấp thông tin như sau: Anh T với chị B hai người tự tìm hiểu và về xã Phú Vĩnh tổ chức lễ cưới vào năm 2015 và hai người đi đăng ký kết hôn tại UBND xã Phú Vĩnh. Sau khi hai người cưới nhau về sống với nhau được khoảng 2- 3 tháng thì không còn sống chung cho đến nay, nguyên nhân là do chị B hay cờ bạc T rầy la không được, hai người không còn sống chung khoảng hai năm nay. Hai người chưa có con, không có tài sản chung. Theo bà S Tòa án cho hai người ly hôn là hợp lý.

Như vậy cho thấy về mặt tình cảm giữa chị B với anh T đã mâu thuẫn nghiêm trọng, cuộc sống vợ chồng không có hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được. Nay chị B xin ly hôn với anh T là hợp lý do đó được HĐXX nghĩ nên cho chị B ly hôn với anh T là phù hợp quy định tại Điều 56 luật hôn nhân gia đình năm 2014.

[2]. Về con chung: Không có nên HĐXX không đặt ra để giải quyết

[3]. Về tài sản và nợ chung: Theo chị B trình bày vợ chồng không có tài sản chung và cũng không có nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết, do đó HĐXX không đặt ra để giải quyết trong bản án này. Sau này nếu anh T cho rằng giữa anh với chị B có tài sản và nợ chung trong thời kỳ hôn nhân thì anh T vẫn có quyền khởi kiện chị B ra Tòa án để giải trong vụ án khác theo quy định của pháp luật.

[4] Về án phí: Chị Nguyễn Thị B là nguyên đơn, theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự. Tại điểm a khoản 5 Điều 27 nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, quy định về án phí và lệ phí Tòa án thì chị B phải chịu 300.000 đồng tiền án phí hôn nhân sơ thẩm, chị B được chuyển từ tiền tạm ứng án phí sang theo biên lai thu số 0012303 ngày 13/6/2017 của chi cục thi hành án dân sự thị xã Tân Châu, tỉnh An Giang.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng 1 Điều 28 Điều 35 và khoản 2 Điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự. Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Điều 27 nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Về hôn nhân: Chị Nguyễn Thị B được ly hôn với anh Nguyễn Thanh T.
2. Về con chung: Không có.

3. Về tài sản và nợ chung: không đặt ra để giải quyết trong bản án này. Sau này nếu anh T cho rằng giữa anh với chị B có tài sản và nợ chung trong thời kỳ hôn nhân thì anh T vẫn có quyền khởi kiện chị B ra Tòa án để giải trong vụ án khác theo quy định của pháp luật..

4. Về án phí hôn nhân sơ thẩm: Chị Nguyễn Thị B phải chịu 300.000 đồng(ba trăm nghìn đồng), chị B được chuyển từ tiền tạm ứng án phí sang theo biên lai thu số 0012303 ngày 13/6/2017 của chi cục thi hành án dân sự thị xã Tân Châu, tỉnh An Giang

Trường hợp bản án được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án chị B có quyền kháng cáo. Riêng anh Nguyễn Thanh T vắng mặt vẫn được quyền kháng cáo bản án trong hạn trên, kể từ ngày bản án được tổng đạt hoặc niêm yết hợp lệ để yêu cầu Tòa án xử phúc thẩm.

Nơi nhận:

- TA tỉnh An Giang;
- VKSND tỉnh An Giang;
- VKSND thị xã Tân Châu;
- THA thị xã Tân Châu;
- UBND xã Phú Vĩnh;
- Các đương sự;
- Lưu: Văn phòng; hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Ngô Thế Minh